TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---***--- Bản án số: 63 /2019/HNGĐ-ST Ngày 16/10/2019 *" V/v: Ly hôn giữa chị P và anh D"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Phương,,

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ - Ông Trần Xuân Hòa.

2/ - Bà Đặng Thị Thêm.

Thư ký phiên tòa: - Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: - Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2019/HNGĐ-ST Ngày 11/07/2019 về việc "Xin ly hôn" giữa:

***- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm 1983.

+ Sinh quán tại: Xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Trú quán và HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

***- Bị đơn:** Anh Đinh Hữu D - Sinh năm 1980.

+ Sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Vắng mặt tại phiên tòa).

***- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/- Cháu Đinh Hữu A - Sinh ngày 07/12/2002.

2/- Cháu Đinh Thị Mai C – Sinh ngày 16/07/2004

+ Đều sinh, trú quán và HKTT tại: Thôn X, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

+ Người giám hộ cho cháu A và cháu C là anh Đinh Hữu D.

3/- Ngân hàng A- Phòng giao dịch G

+ Địa chỉ: xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Người đại diện là ông Hà Thanh S – Giám đốc Phòng giao dịch G. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đinh Hữu D có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2001, trên cơ sở hai bên tự nguyện. Hai anh chị chung sống với nhau hạnh phúc bình thường được một thời gian. Đến năm 2013 thì vợ chồng nẩy sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế thua lỗ và do bất đồng quan điểm. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi , không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xin được ly hôn với anh D vì không có hạnh phúc, tình cảm.

Về con chung: Chị và anh Đinh Hữu D có hai con chung là cháu Đinh Hữu A (Sinh ngày 07/12/2002) và cháu Đinh Thị Mai C (Sinh ngày 16/7/2004), hiện nay đang ở với anh D. Nếu vợ chồng ly hôn thì các con ở với ai thì chị cũng nhất trí. Trong trường hợp hai cháu ở với anh thì chị sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia. Vợ chồng chị có vay và hiện đang nợ của Ngân hàng A– Phòng giao dịch G số tiền 600.000.000 đồng, chị và anh D sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng nên cũng không yêu cầu đặt ra.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Đinh Hữu D trình bày:

Về hôn nhân: Anh cũng khai nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị P trình bày trên đây. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị P có hai con chung là cháu A và cháu C hiện đang ở với anh. Nếu ly hôn thì anh xin nuôi cả hai cháu mà không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết phân chia. Anh và chị P sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng A – Phòng giao dịch G về khoản nợ 600.000.000 đồng nên cũng không yêu cầu đặt ra.

Cháu Đinh Hữu A và cháu Đinh Thị Mai C đều có quan điểm nguyện vọng là xin được ở với anh Đinh Hữu D trong trường hợp bố mẹ ly hôn nhau.

Người đại diện của Ngân hàng A – Phòng giao dịch G xác định: Vợ chồng anh D và chị P có vay và hiện đang nợ của Ngân hàng A – Phòng giao dịch G số tiền 600.000.000 đồng. Tuy nhiên Ngân hàng không khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng anh D chị P trong vụ án ly hôn này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến và quan điểm trên đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong qúa trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán và Hội đồng xét

xử đã thực hiện và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng trong vụ án. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 điều 144, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Đinh Hữu D; Con chung: Giao cháu Đinh Hữu A và cháu Đinh Thị Mai C cho anh D tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P được quyền thăm nom con chung; Tài sản chung, công nợ chung và công sức chung của anh Đinh Hữu D và chị Nguyễn Thị P thì không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này; Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Việc anh Đinh Hữu D và chị Nguyễn Thị P kết hôn có đăng ký là hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh chị đã nẩy sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Cuộc sống gia đình đang ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Đinh Hữu D để hai anh chị sớm ổn định, tạo lập hạnh phúc gia đình mới.

Về con chung: Hiện nay hai con chung đã và đang ở với anh Đinh Hữu D, mặt khác nguyện vọng của hai cháu là đều xin được ở với anh D, nên cần giao cháu Đinh Hữu A và cháu Đinh Thị Mai C cho anh D tiếp tục nuôi. Do anh D không yêu cầu nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và công nợ chung: Do cả anh Đinh Hữu D và chị Nguyễn Thị P đều không yêu cầu phân chia, Ngân hàng A– Phòng giao dịch G cũng không yêu cầu giải quyết về khoản tiền nợ, nên Tòa án không đặt ra xem xét trong vụ án ly hôn này. Khi nào Ngân hàng, anh, chị có yêu cầu phân chia tài sản và công nợ chung thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Cần đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn luật định các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* - *Áp dụng*: - Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Khoản 2 điều 144, khoản 4 điều 147, điều 227 và điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí tòa án.

*- *Xử :*

1. – Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Đinh Hữu D.

2. – Về con chung: Giao cháu Đinh Hữu A (Sinh ngày 07/12/2002) và cháu Đinh Thị Mai C (Sinh ngày 16/7/2004) cho anh Đinh Hữu D tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị P được quyền thăm nom, chăm sóc và được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. – Về chia tài sản và công nợ chung: Không đặt ra xem xét. Khi nào Ngân hàng A – Phòng giao dịch G, anh Đinh Hữu D, chị Nguyễn Thị P có yêu cầu phân chia thì làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. – Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng dự phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0001301 ngày 11/07/2019 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nên việc nộp án phí đã xong).

5.- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P (Có mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/10/2019. Anh Đinh Hữu D, Ngân hàng A – Phòng giao dịch G, cháu Đinh Hữu A và cháu Đinh Thị Mai C (Vắng mặt tại phiên tòa) đều được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi cư trú./

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

- Nơi nhận:
+ TAND& VKSND tỉnh Hưng Yên
+ VKSND huyện Khoái Châu.
+ Chi cục THADS huyện Khoái Châu.
+ UBND xã T.
+ Các đương sự.
+ Lưu Hồ sơ, VP.

PHẠM THẾ PHƯƠNG